

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Đào tạo đại học, sau đại học thuộc chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2023, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Đào tạo đại học, sau đại học thuộc chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm triển khai, thực hiện có hiệu quả nội dung 2, Tiểu Dự án 2 Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đào tạo đại học, sau đại học).

Tạo nguồn cán bộ cho địa phương; nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Yêu cầu

Xác định nhu cầu, thực hiện đào tạo đại học, sau đại học bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế của các địa phương, đơn vị.

Công tác hỗ trợ đào tạo đại học, sau đại học phải được thực hiện đảm bảo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Chỉ tiêu

Xây dựng theo từng năm căn cứ trên nhu cầu thực tế của địa phương, đơn vị; xác định chỉ tiêu theo từng chuyên ngành đào tạo đại học, sau đại học đảm bảo đúng đối tượng được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc được sửa đổi bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND¹ ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, triển khai, thông báo các nội dung tại Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; đến các thôn, làng, tổ dân phố để các sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng được biết và đăng ký nhu cầu hưởng chính sách.

2. Tổng hợp nhu cầu đào tạo đại học, sau đại học của các địa phương, đơn vị; đặt hàng với các cơ sở đào tạo theo quy định.

3. Thường xuyên chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng chính sách đào tạo đại học, sau đại học theo Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo đại học, sau đại học theo đúng khoá đào tạo, tiến độ thực hiện đào tạo đại học, sau đại học theo Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Xây dựng dự toán, thanh quyết toán theo quy định hiện hành trên cơ sở dự toán kinh phí được cấp.

¹ Đối tượng:

a) Đào tạo đại học

- Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học thuộc đối tượng ưu tiên tuyển sinh đối với học sinh thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; học sinh dân tộc thiểu số cư trú ở các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; học sinh thuộc nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp.

- Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp.

b) Đào tạo sau đại học: Cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp, trong đó ưu tiên cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc, cán bộ nữ.

III. ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Đối tượng đào tạo đại học

a) Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học thuộc đối tượng ưu tiên tuyển sinh đối với học sinh thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; học sinh dân tộc thiểu số cư trú ở các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; học sinh thuộc nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

b) Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg² ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025; nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP³.

2. Đối tượng đào tạo sau đại học

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg; nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP, trong đó ưu tiên cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc, cán bộ nữ.

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Ưu tiên đào tạo đối với nhóm dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp; nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù thuộc các xã khu vực III, thôn bản đặc biệt khó khăn; cán bộ nữ.

b) Nhu cầu, chỉ tiêu theo từng chuyên ngành đại học, sau đại học do UBND cấp tỉnh quyết định theo nhu cầu của địa phương đảm bảo đúng đối tượng chính sách được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT được sửa đổi bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBDT.

c) Công tác tuyển sinh, đào tạo thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN NỘI DUNG 02, TIỂU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 5 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nội dung 2, tiểu dự án 2, Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

² - Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn (32 dân tộc): La Hủ, Gia - rai, Phù Lá, Dao, La Chí, Nùng, Kháng, Tày, Hà Nhì, Sán Chay, Xinh - mun, Lào, Co, Giáy, Ta - ôi, Giê - Triêng, Cơ - tu, Mường, Khơ - mú, Ba - na, Bru - Vân Kiều, H'rê, Mnông, Chăm, Ra - glai, Ê - đê, Xơ - đăng, Cơ - ho, Hmông, Khơ - me, Xtiêng, Mạ.

- Các dân tộc có khó khăn đặc thù (14 dân tộc): Ô - đù, Brâu, Rơ - măm, Pu Péo, Si La, Công, Bô Y, Cơ Lao, Mảng, Lô Lô, Chứt, Lự, Pà Thèn, La Ha.

³ Nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia - rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Khơ Mú, Co, Giê Triêng.

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

V. NỘI DUNG CHI, MỨC CHI

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ học phí đại học và sau đại học, chi phí học tập, chi phí sinh hoạt cho sinh viên là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục đại học: Thực hiện theo mức quy định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học.

2. Hỗ trợ học bổng chính sách và các chế độ khác cho sinh viên, học viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

3. Quy định về dừng cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập

- Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì dừng thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập vào kỳ học tiếp theo.

- Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lí do khách quan được nhà trường xác nhận. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập thì thực hiện khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kỳ học tiếp theo sau khi sinh viên nhập học lại.

VI. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt nhu cầu, chỉ tiêu theo từng chuyên ngành đào tạo đại học, sau đại học⁴ và danh sách đối tượng được hỗ trợ theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

⁴ Khoản 23 Điều 1 Thông tư 02/2023/TT-UBDT ngày 21/8/2023 Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Thời gian nộp hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua phòng Tổ chức cán bộ):

- Đào tạo đại học: nộp hồ sơ trước ngày 30/9 hàng năm.
- Đào tạo sau đại học: nộp hồ sơ trước ngày 15/10 hàng năm.

Thủ tục hồ sơ:

- Đơn xin hỗ trợ chi phí học đại học, sau đại học thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Quyết định cử đi học (đối với cán bộ, công chức, viên chức);
- Giấy báo nhập học hoặc giấy xác nhận đang theo học tại cơ sở giáo dục đại học;
- Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Tổng hợp nhu cầu đào tạo đại học, sau đại học của các địa phương, đơn vị và tổ chức thẩm định; tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả xét chọn và quyết định đặt hàng với các cơ sở đào tạo theo quy định; thông báo kết quả phê duyệt của UBND tỉnh cho địa phương biết để theo dõi.

- Phối hợp với cơ sở đào tạo thông báo cho sinh viên biết kết quả xét chọn của UBND tỉnh và thực hiện ký hợp đồng đặt hàng đào tạo đại học, sau đại học; thực hiện chi trả và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc xây dựng dự toán, thanh quyết toán theo quy định.

- Phối hợp với Ban Dân tộc báo cáo tiến độ thực hiện đào tạo đại học, sau đại học theo Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Triển khai Kế hoạch đến các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, Trung tâm GDTX tỉnh; hàng năm trước ngày 15 tháng 4 có văn bản hướng dẫn cụ thể để viên chức biết đăng ký, đồng gửi văn bản về UBND tỉnh để theo dõi.

2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành trên cơ sở dự toán kinh phí được cấp.

3. Sở Nội vụ:

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị có liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức đi học theo Kế hoạch này thuộc thẩm quyền quản lý.

- Triển khai Kế hoạch đến tất cả các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, các hội, đoàn thể thuộc tỉnh, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy...; hàng năm trước ngày 15 tháng 4 có văn bản hướng dẫn cụ thể để cán bộ, công chức, viên chức biết đăng ký, đồng gửi văn bản về UBND tỉnh để theo dõi.

4. Ban Dân tộc tỉnh:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung 2, Tiểu dự án 2, Dự án 5: Đào tạo đại học và sau đại học thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Giai đoạn I: từ năm 2021 đến 2025.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, triển khai, thông báo các nội dung tại Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; đến các thôn, làng, tổ dân phố để các sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng được biết và đăng ký nhu cầu hưởng chính sách.

- Hằng năm, lập danh sách người học trúng tuyển vào các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 9 của năm tuyển sinh để thẩm định và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt và thực hiện hợp đồng đào tạo⁵, chịu trách nhiệm về số liệu, đối tượng đăng ký nhu cầu đào tạo đại học, sau đại học; thực hiện rà soát, xác định nhu cầu (ước số lượng) được đào tạo đại học, sau đại học của học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng thụ hưởng chế độ hỗ trợ của Chương trình gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/10;

- Thường xuyên chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng chính sách đào tạo đại học, sau đại học theo Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo đại học, sau đại học theo đúng khoá đào tạo và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 7 hàng năm về những trường hợp vi phạm (bỏ học, bị buộc thôi học hoặc vì lý do bất khả kháng không tham gia đào tạo), những trường hợp đã hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đơn vị thành viên; Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; các sở, ban, ngành và tương đương; các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh:

- Thường xuyên triển khai nội dung đào tạo sau đại học theo Chương trình mục tiêu quốc gia cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng trong cơ quan, đơn vị được biết và đăng ký nhu cầu hưởng chính sách.

- Hằng năm, thực hiện xác định nhu cầu, chỉ tiêu đào tạo sau đại học; thực hiện đăng ký nhu cầu hưởng chính sách đào tạo sau đại học đảm bảo phù hợp với nhu cầu của đơn vị và gửi nhu cầu (nếu có) về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 10 để tổng hợp, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh; chịu trách nhiệm về số liệu, đối tượng đăng ký nhu cầu đào tạo sau đại học.

- Thường xuyên chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng chính sách đào tạo sau đại học theo Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hoàn

⁵ Khoản 23, 24 Điều 1 Thông tư 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

thành chương trình đào tạo sau đại học theo đúng khoá đào tạo và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 7 hàng năm về những trường hợp vi phạm (bỏ học, bị buộc thôi học hoặc vì lý do bất khả kháng không tham gia đào tạo), những trường hợp đã hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

7. Trách nhiệm của sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chính sách:

- Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo; hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định.

- Tự chi trả kinh phí cho cơ sở đào tạo nếu vượt thời gian đào tạo của khoá học theo quy định.

- Sau khi tốt nghiệp, người học thông báo cho Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả học tập để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo đại học, sau đại học thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Trong quá trình triển khai Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để xử lý theo thẩm quyền; nếu vượt thẩm quyền báo cáo tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND (để b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đoàn thể tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy (p/h chỉ đạo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, KGVX.h.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thanh Lịch